

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20 /2019/DS-ST

Ngày: 25/9/2019

V/v: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Trần Xuân Văn

2. Bà: Nguyễn Thị Vòng

- Thư ký phiên toà: Ông Dương Đức Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2019/QĐXXST- DS ngày 02 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên toà số 64/2019/QĐST-DS ngày 27/8/2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 107/2019/TBMLPT – DS ngày 04/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T; Địa chỉ: Số 266 - 268 đường N, phường 8, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H - Giám đốc Ngân hàng TMCP T - chi nhánh Quảng Bình. Địa chỉ: Số 05, đường T, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Đã ủy quyền lại cho ông Trương Xuân T – Phó phòng kiểm soát rủi ro - Ngân hàng TMCP T - Chi nhánh Quảng Bình. Địa chỉ: Số 05, đường T, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. (Được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 3967/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018 từ bà Nguyễn Đức Thạch D và Văn bản ủy quyền số 39/2019/GUQ-CNQB ngày 18/01/2019 từ ông Nguyễn Thanh H – Giám đốc Ngân hàng TMCP T Chi nhánh Quảng Bình). Ông Trương Xuân T có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Mỹ D, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, Ngân hàng TMCP T trong đơn khởi kiện và trong các văn bản tố tụng cũng như tại phiên tòa trình bày:

Bà Phan Thị Mỹ D vay vốn tại Ngân hàng TMCP T – Chi nhánh Quảng Bình theo 02 Hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1409000111, ngày 31/3/2014 và Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1534900400, ngày 15/12/2015. Chi tiết như sau:

Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1409000111 ngày 31/3/2014; Số tiền vay: 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng chẵn); Dư nợ vay tính đến ngày 17/01/2019 là: 23.596.181 đồng (Hai mươi ba triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn một trăm tám mươi một đồng); Lãi suất: 0,8%/tháng; Thời hạn vay: 48 tháng; Phương thức trả nợ: trả nợ gốc và lãi hàng tháng (ngày 18 hàng tháng). Ngày 18/9/2016, khoản vay đã đến kỳ trả gốc và lãi hàng tháng, tuy nhiên đến thời điểm hiện nay bà D vẫn chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng nên khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 25/9/2019 dư nợ còn lại là 40.041.370 đồng (nợ gốc: 23.596.181 đồng; nợ lãi trong hạn: 8.640.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 7.805.189 đồng).

Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1534900400 ngày 15/12/2015. Số tiền vay: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng chẵn). Dư nợ vay tính đến ngày 17/01/2019 là: 30.001.000 đồng (Ba mươi triệu một nghìn đồng); Lãi suất: 0,75%/tháng; Thời hạn vay: 36 tháng; Phương thức trả nợ: trả nợ gốc và lãi hàng tháng (ngày 17 hàng tháng); Ngày 16/10/2016 khoản vay đã đến kỳ trả gốc và lãi hàng tháng, tuy nhiên đến thời điểm hiện nay bà D vẫn chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng nên khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 25/9/2019 dư nợ còn lại là 45.733.163 đồng (nợ gốc: 30.001.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 8.100.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 7.632.163 đồng).

Trong quá trình vay vốn bà D thường xuyên không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, chây ỳ thiếu thiện chí trong quá trình trả nợ vay. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo và làm việc với bà Phan Thị Mỹ D yêu cầu trả nợ nhưng bà Phan Thị Mỹ D vẫn không có thiện chí trả nợ, cố tình không trả nợ, để nợ quá hạn dây dưa kéo dài. Sau đó phía Ngân hàng được biết bà D không còn làm việc tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Bình và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ bằng cách cắt liên lạc từ phía ngân hàng nên ngân hàng không có thông tin gì về bà D. Vì vậy, Ngân hàng đề nghị Tòa án Nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc bà Phan Thị Mỹ D có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP T số tiền tại Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1409000111 ngày 31/3/2014 tính đến ngày 25/9/2019 dư nợ còn lại là 40.041.370 đồng (nợ gốc: 23.596.181 đồng; nợ lãi trong hạn: 8.640.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 7.805.189 đồng).

2. Buộc bà Phan Thị Mỹ D có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP T số tiền tại Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1534900400, ngày

15/12/2015 với số tiền phải trả tính đến ngày 25/9/2019 dư nợ còn lại là 45.733.163 đồng (nợ gốc: 30.001.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 8.100.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 7.632.163 đồng).

3. Tổng số tiền mà bà Phan Thị Mỹ D phải trả cho Ngân hàng TMCP T tính đến ngày 25/9/2019 bao gồm cả 02 hợp đồng tín dụng nêu trên là: 85.774.533 đồng (Bằng chữ: Tám mươi lăm triệu, bảy trăm bảy mươi tư nghìn, năm trăm ba mươi ba đồng)

4. Trường hợp bà Phan Thị Mỹ D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP T được nhận các khoản tiền trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các khoản được hưởng khác của bà Phan Thị Mỹ D để thu hồi nợ. Ngân hàng TMCP T được thay mặt bà Phan Thị Mỹ D thực hiện tất cả các thủ tục liên quan tại các cơ quan hữu quan để nhận toàn bộ các khoản trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các khoản được hưởng khác. Nếu các khoản tiền trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội không đủ trả nợ thì bà Phan Thị Mỹ D phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ số tiền còn lại cho Ngân hàng TMCP T.

5. Yêu cầu bà Phan Thị Mỹ D phải trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất tại Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 26/9/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc.

* Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra Thông báo thụ lý vụ án và gửi cho bị đơn kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án nhưng bị đơn không đến Tòa theo thời gian quy định. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho bị đơn nhưng không tiến hành giao nhận được (có lập biên bản) vì hiện nay bà D không có mặt tại địa phương. Điều đó cũng phù hợp với xác nhận của Công an xã Thuận Đức, thành phố Đồng Hới tại Công văn số 216/2019/CV-CNQB ngày 30/5/2019 của Ngân hàng Sài Gòn Thương tín Chi nhánh Quảng Bình đã gửi Công an xã Thuận Đức, thành phố Đồng Hới về việc hỗ trợ xác minh tình trạng cư trú của bà D thể hiện: Hiện bà Phan Thị Mỹ D có hộ khẩu thường trú tại Thuận Vinh, Thuận Đức, Đồng Hới, Quảng Bình. Hiện tại bà D không có mặt tại địa phương. Tại hồ sơ vay vốn xác định được bà D có hộ khẩu thường trú tại Thuận Vinh, Thuận Đức, Đồng Hới, Quảng Bình. Hiện bà D đi đâu làm gì cũng không khai báo cho chính quyền địa phương cũng như không cung cấp cho phía ngân hàng và cố tình không liên lạc, thể hiện việc bà cố tình giấu địa chỉ để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Việc tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng theo luật định không có kết quả. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo luật định để đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP T trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP T yêu cầu Tòa án buộc bà Phan Thị Mỹ D phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi theo hai Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều đã ký kết giữa Ngân hàng và bà D. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, phát sinh giữa nguyên đơn Ngân hàng là Tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh, bị đơn bà D không có đăng ký kinh doanh, trong hợp đồng tín dụng thể hiện bà D cư trú tại thôn Thuận Vinh, xã Thuận Đức, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình và hiện nay bà vẫn có hộ khẩu thường trú theo địa chỉ trên. Căn cứ theo quy định của khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015 thì “Thời hiệu khởi kiện ... tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”. Ngày 18/9/2016 bà D vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1409000111 ngày 31/3/2014. Ngày 16/10/2016 bà D vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1534900400 ngày 15/12/2015. Do đó, ngày 15/2/2019 Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền nợ thì thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng vẫn còn thời hiệu.

[1.3] Về sự vắng mặt của bà D trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà D đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nhưng bà D vẫn vắng mặt không có lý do, không tiến hành hòa giải được (có lập biên bản). Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2019/QĐXXST- DS ngày 02 tháng 8 năm 2019. Sau đó đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho bà D bằng cách gửi bảo đảm và niêm yết tại nơi cư trú của bà D. Tuy nhiên, bị đơn bà D vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2019/QĐST-DS ngày 27/8/2019 và ra Thông báo mở lại phiên tòa ngày 25/9/2019 đồng thời tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng nói trên cho bà D nhưng bà D vẫn không có mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Tòa án căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2

Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà D.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu bà D trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 25/9/2019 là 40.041.370 đồng theo Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1409000111, ngày 31/03/2014 và số tiền gốc và lãi là 45.733.163 đồng theo Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1534900400, ngày 15/12/2015, Hội đồng xét xử thấy: Phía Ngân hàng và bà D có ký kết Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1409000111, ngày 31/03/2014 và Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1534900400, ngày 15/12/2015 đã tuân theo đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng tín dụng do tổ chức hoạt động tín dụng và người có năng lực hành vi dân sự ký kết; về hình thức, nội dung tuân theo các quy định tại Điều 385, 386, 388, 398, 399, 400, 401, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật tổ chức tín dụng 2010, Hợp đồng ký kết có hiệu lực đã được hai bên thực hiện, bà D đã nhận được số tiền vay vốn do phía Ngân hàng giải ngân. Xét hai hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại hai hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Theo bảng kê chi tiết lịch sử các khoản vay do Ngân hàng TMCP T cung cấp thì trong quá trình thực hiện hợp đồng bà D đã thực hiện được một phần nội dung hợp đồng tín dụng nhưng đến ngày 18/9/2016 bà D vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1409000111 ngày 31/3/2014; Ngày 16/10/2016 bà D vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1534900400 ngày 15/12/2015. Hiện nay bà D đã không còn công tác tại đơn vị Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Bình. Bà D còn nợ Ngân hàng TMCP T số tiền gốc và lãi tính đến ngày 25/9/2019 là 40.041.370 đồng theo Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1409000111, ngày 31/03/2014 và số tiền gốc và lãi là 45.733.163 đồng theo Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1534900400, ngày 15/12/2015.

Trước khi khởi kiện, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn yêu cầu bà D trả nợ và tạo điều kiện cho bà D trả nợ nhưng bà D vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà còn trốn tránh việc trả nợ, bà D đã vi phạm Điều 7 của Hợp đồng đã ký kết. Nay Ngân hàng yêu cầu bà D trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 25/9/2019 là 40.041.370 đồng (nợ gốc: 23.596.181 đồng; nợ lãi trong hạn:

8.640.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 7.805.189 đồng) theo Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1409000111, ngày 31/03/2014 và số tiền gốc và lãi là 45.733.163 đồng (nợ gốc: 30.001.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 8.100.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 7.632.163 đồng) theo Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1534900400, ngày 15/12/2015, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà D vắng mặt nhưng căn cứ vào 02 Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều nêu trên, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự thì bà D cố tình giấu địa chỉ. Do đó, buộc bà D phải trả số nợ gốc và lãi trên cho Ngân hàng là đúng quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] Theo Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1409000111, ngày 31/03/2014 và Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1534900400, ngày 15/12/2015 ký kết giữa bà D và Ngân hàng TMCP T thì tại Điều 16 của Hợp đồng có thỏa thuận trong trường hợp bên vay nghỉ việc mà vẫn còn dư nợ vay thì Ngân hàng được nhận các khoản tiền trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các khoản được hưởng khác của bà D tại cơ quan liên quan. Tuy nhiên hiện nay bà D đã bỏ việc đi đâu không rõ, nên sau này bà D không trả hết các khoản gốc và lãi trên thì Ngân hàng có quyền thực hiện theo cam kết đã ký kết giữa bà D và Ngân hàng tại cơ quan liên quan để thu hồi các khoản của bà D được trợ cấp thôi việc.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn - Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm $85.774.533 \text{ đồng} \times 5\% = 4.288.000 \text{ đồng}$ để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 35; Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (2015);
- Áp dụng các Điều 116, 119, 385, 398, 401, 466, 688 Bộ luật dân sự (2015);
- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng (2010);
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T (S).

1.1 Buộc bà Phan Thị Mỹ D phải trả cho Ngân hàng TMCP T tính đến ngày 25/9/2019 với tổng số tiền gốc và lãi là 40.041.370 đồng (nợ gốc: 23.596.181 đồng; nợ lãi trong hạn: 8.640.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 7.805.189 đồng) theo Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1409000111 ngày 31/3/2014.

1.2. Buộc bà Phan Thị Mỹ D phải trả cho Ngân hàng TMCP T tính đến ngày 25/9/2019 với tổng số tiền gốc và lãi là 45.733.163 đồng (nợ gốc: 30.001.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 8.100.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 7.632.163 đồng) theo Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1534900400, ngày 15/12/2015.

Theo đó, bà Phan Thị Mỹ D phải trả cho Ngân hàng TMCP T (S) tính đến ngày 25/9/2019 với tổng số tiền gốc và lãi của cả 02 hợp đồng tín dụng nêu trên là: 85.774.533 đồng (Bằng chữ: Tám mươi lăm triệu, bảy trăm bảy mươi tư nghìn, năm trăm ba mươi ba đồng) trong đó, tiền gốc: 53.597.181 đồng, tiền lãi trong hạn: 16.740.000 đồng, tiền lãi quá hạn: 15.437.352 đồng.

Trường hợp bà Phan Thị Mỹ D không trả hết khoản tiền gốc và lãi nêu trên thì Ngân hàng có quyền thực hiện theo cam kết được ký kết giữa bà D và Ngân hàng tại Điều 16 của Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1409000111 ngày 31/3/2014 và Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1534900400, ngày 15/12/2015 đã được ký kết giữa bà Phan Thị Mỹ D và Ngân hàng TMCP T để thu hồi nợ.

Từ ngày 26/9/2019 cho đến khi trả hết tiền gốc, hàng tháng bà Phan Thị Mỹ D còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh từ số tiền gốc chưa trả theo mức lãi suất tại Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1409000111 ngày 31/3/2014 và Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1534900400, ngày 15/12/2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1 Bị đơn bà Phan Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.288.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

2.2 Nguyên đơn Ngân hàng TMCP T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí 2.094.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000944 ngày 20/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa